

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Hương Giang.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: ấp Long T, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp Long T, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1942. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2019 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Phan Thị T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ cưới nhau vào ngày 08/8/2011 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN. Hôn nhân do quen biết trước được khoảng 01 năm. Sau khi cưới chị và anh Đ cùng đi làm tại tỉnh Bình Dương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân, anh Đ ngày nào cũng uống

rượu, mỗi lần uống rượu về là anh Đ kiểm chuyện và đòi đánh anh ruột chị và đánh chị, khi anh Đ không uống rượu thì vợ chồng chung sống bình thường. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh Đ không còn sống chung từ tháng 4/2019 cho đến nay. Chị và anh Đ không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh Đ chung sống với nhau có 01 con chung là con trai Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/02/2012. Hiện con chung sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị ở nhà cha mẹ ruột, buôn bán tạp hóa thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000đ - 6.000.000đ đủ để chị và con chung Đức T sinh sống, anh Đ làm tại tỉnh Bình Dương thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ. Khi sống chung cùng anh Đ thì mỗi tháng anh Đ đưa cho chị 8.000.000đ - 9.000.000đ để lo cho gia đình nhưng khi chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4/2019 cho đến nay thì anh Đ không có gửi tiền cho chị để nuôi dưỡng con chung nhưng lâu lâu anh Đ có gọi điện thoại hỏi thăm con.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh Đ chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị và anh Đ chung sống không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đ vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 người làm chứng ông Nguyễn Văn M, trình bày: Ông là ông ngoại của anh Đ, không có mâu thuẫn với chị T, anh Đ. Anh Đ sống chung với ông từ nhỏ đến lớn, hiện anh Đ đang làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng anh Đ đi làm rồi phát sinh mâu thuẫn ở trên thành phố nên ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn, cũng không biết chị T, anh Đ còn sống chung hay không. Anh Đ, chị T có 01 con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 2012, không biết đang sống với chị T hay anh Đ. Ông không biết anh Đ, chị T có tài sản chung và nợ chung không. Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ thì Tòa án điện hỏi chị T chứ ông không biết gì hết, chị T có cung cấp số điện thoại của anh Đ cho Tòa án thì có thể liên hệ với anh Đ. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Phan Thị T được ly

hôn với anh Nguyễn Minh Đ. Về nuôi con chung giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/02/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phan Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Minh Đ và anh Đ hiện cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ, người làm chứng ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Đ, ông M vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, ông M đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Minh Đ được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2011 ngày 14/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Phan Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị T cho rằng do anh Đ thường xuyên uống rượu và đánh chị. Đồng thời có mâu thuẫn với anh ruột chị nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay và cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử đã động viên chị T hàn gắn tình cảm với anh Đ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Đ vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với chị T để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Đ không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/02/2012 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị T, được đảm bảo về mọi mặt và anh Đ không có đến thăm nom, chăm sóc cũng như gửi tiền cho chị T nuôi dưỡng con chung từ khi chị T và anh Đ không còn sống chung cho đến nay. Đồng thời con chung Đức T có nguyện vọng sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Nguyễn Đức T cho chị T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Phan Thị T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001004 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T. Cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/02/2012 cho chị Phan Thị Thùy T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001004 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/11/2019) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung